

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bảng - Ông Phạm Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:

Không tham gia.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh ngày 04/10/1993.

Địa chỉ cư trú: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt).

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn R – sinh ngày 16/9/1989.

Địa chỉ cư trú: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn R cưới nhau vào tháng 10/2014 âm lịch, trước khi tiến tới hôn nhân anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Chị N, anh R đã làm thủ tục đăng ký tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 30 ngày 10/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai vợ chồng không phù hợp, lối sống vợ chồng khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh R không chung thủy, ngoại tình, không chăm lo gia đình, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng đã có những hành động, lời nói xử sự thiếu tôn trọng nhau. Do những

nguyên nhân mâu thuẫn trên làm cho hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng mất hết tình cảm, không thương yêu, quý trọng nhau nữa. Do mâu thuẫn sâu sắc đã làm cho không khí trong cuộc sống chung lúc nào cũng nặng nề, ảnh hưởng đến tâm lý của vợ và con. Do vậy vợ chồng sống ly thân, cắt đứt các quan hệ từ tháng 12 năm 2016. Sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn xảy ra sâu sắc trầm trọng hơn. Chị N xác định đã mất hết tình cảm, niềm tin đối với chồng, hôn nhân thực sự đã đổ vỡ, không thể dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh R.

- Về quan hệ chung: Vợ chồng có với nhau 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc T1(Giới tính: nữ), sinh ngày 02/3/2014 và cháu Nguyễn Thị Ngọc T2(Giới tính: nữ), sinh ngày 02/11/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh R không có trách nhiệm gì đối với con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị N đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn R, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh R không hợp tác để giải quyết, do đó Tòa án không thu thập được bản khai, lời khai, ý kiến của anh Nguyễn Văn R để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như chị N trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn R yêu cầu chị, anh có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh R không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn R vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu

tập lần thứ hai cho chị N, anh R. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh R tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn R đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị N và anh R là hoàn toàn tự nguyện. Anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 ngày 10/11/2014 qua đó thấy hôn nhân giữa chị N và anh R là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh R đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, một bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau trong quan hệ tình cảm, nên đã cự cãi va chạm với nhau qua lời nói và sự không đúng mực đối với nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm, tình thương đối với nhau. Sau khi các bên sống ly thân cả vợ lẫn chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt quan hệ, không thương yêu quan tâm đến nhau kể từ tháng 12/2016 cho đến nay. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh R thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh R là có căn cứ, cần sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân, hai con chung của vợ chồng được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của chồng về việc nuôi con chung nhưng chị N vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Do vậy chị N đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn R cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh R cho đến lúc có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn R.
2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Thị Ngọc T1(Giới tính: nữ), sinh ngày 02/3/2014 và cháu Nguyễn Thị Ngọc T2(Giới tính: nữ), sinh ngày 02/11/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn R cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn R người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003150 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thị hành án Yên Thành. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã K(Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc